

Bản án số: 353/2024/HS-ST

Ngày: 11 - 7 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA- TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Danh và bà Vương Thị Khánh Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 342/2024/TLST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 361/2024/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1977, tại Thái Bình. Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Không nơi ở nhất định. Giới tính: Nam. Nghề nghiệp: Bốc vác. Trình độ học vấn: 03/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn Ngọc O, sinh năm 1946 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1943. Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình. Bị cáo có vợ tên Mai Thị H, sinh năm 1976. Bị cáo có 01 người con sinh năm 1997. Tiền án: Ngày 29/10/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/07/2018, đã thực hiện nghĩa vụ đóng án phí hình sự sơ thẩm 12/03/2020 (chưa được xóa án tích); Ngày 08/01/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 08 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/05/2021, đã thực hiện nghĩa vụ đóng án phí hình sự sơ thẩm ngày 16/06/2020. Chưa thực hiện nghĩa vụ bồi thường dân sự (chưa được xóa án tích). Tiền sự: Không. Bị cáo bị giam giữ từ ngày 19/10/2023 (có mặt).

*** Bị hại:** Bà Lương Thị L, sinh năm 1967.

Địa chỉ: 387/13/2, ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc T là đối tượng sống lang thang ở khu vực chợ đầu mối T, thành phố Hồ Chí Minh, không có công việc ổn định.

Sáng ngày 19/10/2023 T điều khiển xe mô tô biển số 59S1-791.07 đi từ khu vực chợ đầu mối T đến khu vực chợ T1 thuộc xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai thì gặp bà Lương Thị L mời T mua vé số. T nảy sinh ý định chiếm đoạt vé số của bà L nên giả vờ hỏi thăm hoàn cảnh của bà L rồi nói với bà L là T mới trúng số muốn giúp đỡ bà L, T đề nghị bà L lên xe T chở về nhà của T ở phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để lấy tiền mua vé số và cho tiền bà L chữa bệnh, tưởng thật bà L đồng ý lên xe đi cùng T. T chở bà L đến đầu hẻm 845 đường H thuộc khu phố A, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai thì dừng lại nói với bà L đưa hết vé số cho T để T mua, bà L đếm hết số vé số còn lại của mình được 64 (sáu mươi bốn) tờ rồi đưa cho T. T cầm vé số của bà L rồi nói bà L lên xe T chở đi về nhà em gái của T ở gần đó lấy tiền trả tiền mua vé số của bà L, đồng thời lợi dụng lúc bà L không để ý T lấy một bao thư bỏ vào bên trong 01 bao thư khác được gấp làm hai rồi dán lại, mặt sau bao thư ghi chữ “02 triệu” rồi chở bà L đi lòng vòng trong khu vực phường B, thấy T đi lòng vòng nhiều nơi bà L yêu cầu T trả tiền mua vé số cho bà, bà không cần T giúp đỡ nữa, T dừng xe lại tại khu vực trước quán cà phê X thuộc khu phố A, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cho bà L xuống xe rồi lấy bao thư đã chuẩn bị sẵn trước đó đưa cho bà L và nói trong bao thư có 2.000.000đ (hai triệu đồng), bà L cầm bao thư, xé ra để kiểm tra, lợi dụng lúc bà L không chú ý T nổ máy xe bỏ chạy. Thấy T bỏ chạy bà L truy hô “cướp, cướp” lúc này có anh Lê Văn H là người đang điều khiển xe mô tô đi trên đường nghe và nhìn thấy T bỏ chạy nên cùng người dân và bà L đuổi theo khoảng 01 Km thì bắt giữ được T giao cho Công an phường B, Công an phường B lập hồ sơ bắt người phạm tội quả tang, chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B giải quyết theo thẩm quyền.

- Vật chứng thu giữ gồm:

+ 64 (sáu mươi bốn) tờ vé số mở thưởng ngày 19/10/2023 của bà Lương Thị L bị T chiếm đoạt, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu hồi, trả lại cho bà L.

+ 01 (một) xe mô tô gắn biển số 59S1-791.07 Nguyễn Ngọc T sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi cướp giật tài sản của bà L, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B chưa xác minh được nguồn gốc, chủ sở hữu.

+ 01 (một) bao thư màu trắng kích thước 16.5x10,5cm, mặt sau có viết chữ “2 triệu” bằng mực xanh đã bị xé rách, bên trong có 01 bao thư khác, là của T đưa cho bà L trước khi bỏ chạy.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 564/KL-HĐĐGTS ngày 25/10/2023 Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Biên Hòa đã kết luận: 64 tờ vé số trị giá 640.000đ (sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Lương Thị L đã nhận lại 64 (sáu mươi bốn) tờ vé số bị T chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số 349/CT-VKS-TB ngày 11/06/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố Nguyễn Ngọc T về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T mức án từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù.

- Về vật chứng:

+ Đối với 64 (sáu mươi bốn) tờ vé số mở thưởng ngày 19/10/2023 của bà Lương Thị L bị T chiếm đoạt, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã thu hồi, trả lại cho bà L.

+ Đối với chiếc xe mô tô biển số 59S1-79107 Nguyễn Ngọc T sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi cướp giật tài sản, hiện chưa làm rõ được nguồn gốc, chủ sở hữu, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

+ Đối với 01 (một) bao thư màu trắng kích thước 16.5x10,5cm, mặt sau có viết chữ “2 triệu” bằng mực xanh đã bị xé rách, bên trong có 01 bao thư khác lưu theo hồ sơ vụ án.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Lương Thị L đã nhận lại 64 (sáu mươi bốn) tờ vé số bị T chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo T không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa và lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị hại bà Lương Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra nên căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai nhận của bị cáo

tại Cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng, lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 08 giờ 30 ngày 19/10/2023, tại khu vực trước quán cà phê Xuân Đào thuộc khu phố 5, phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Ngọc T đã có hành vi chiếm đoạt 64 (sáu mươi bốn) tờ vé số mở thưởng ngày 19/10/2023 của bà Lương Thị L rồi sử dụng xe mô tô gắn biển số 59S1-791.07 bỏ chạy thì bị người dân cùng bà L truy đuổi bắt quả tang. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương và đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

[4.1] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4.3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về xử lý vật chứng:

[5.1] Đối với 01 (một) bao thư màu trắng kích thước 16.5x10,5cm, mặt sau có viết chữ “2 triệu” bằng mực xanh đã bị xé rách, bên trong có 01 bao thư khác tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

[5.2] Đối với 64 (sáu mươi bốn) tờ vé số mở thưởng ngày 19/10/2023 của bà Lương Thị L bị T chiếm đoạt, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố đã thu hồi, trả lại cho bà L nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5.3] Đối với chiếc xe mô tô biển số 59S1-79107 Nguyễn Ngọc T sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi cướp giật tài sản, hiện chưa làm rõ được nguồn gốc, chủ sở hữu, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều

38 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội “Cướp giật tài sản”.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/10/2023.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Ngọc T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Công an TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND cấp xã nơi b/c cư trú;
- Sở Tư pháp;
- TAND tỉnh;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Tâm

Mẫu 27-HS